

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 95/2022/DS-ST.

Ngày: 29/11/2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T.

2. Ông Nguyễn Văn Đ.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh S** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà **Trần Phương T1** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXX-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2022/QĐST – DS ngày 03/11/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 25/2022/TB-TA ngày 11/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Kiên L.**

Trụ sở: số 40 - 42 - 44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn Anh, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Kiến L1**, sinh năm 1961, chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Kiên L - CN Rạch Giá (theo văn bản ủy quyền số 256/UQ-CNRRG ngày 28/11/2022 - có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1997 (vắng mặt) và bà **Nguyễn Thị Lệ L2**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 8, ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Kiến L1 trình bày như sau:*

Vào ngày 11/11/2020 Ngân hàng TMCP Kiên L có ký với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 để vợ chồng ông L, bà Lệ L2 vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mua bán nhỏ, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 24%/năm, hình thức trả gốc và lãi là 359.621 đồng/01 ngày, ngày cuối trả là 362.021 đồng.

Khi vay ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 có thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng TMCP Kiên L là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe gồm: 01 Xe Honda Biển số: 68D1-409.24, số máy: JF63E1228154, số khung: 6300FZ516896, màu sơn: Xám Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 16/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn L; 01 Xe Honda Biển số: 68D1- 540.40, số máy: JF63E2388553, số khung: 6314JZ005256, màu sơn: Trắng Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 25/01/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ L2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông L, bà Lệ L2 đã nhiều lần trả cho Ngân hàng với số tiền là 40.000.000 đồng và từ đó đến nay vợ chồng ông L, bà Lệ L2 không chịu trả nợ cho Ngân hàng nữa, mặc dù cán bộ Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng vợ chồng ông L, bà Lệ L2 vẫn không trả số nợ còn lại cho Ngân hàng khi đến hạn. Tạm tính đến ngày 25/5/2022 ông L, bà Lệ L2 còn Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền 26.574.320 đồng (trong đó, gốc 19.999.320 đồng, lãi trong hạn 1.578.060 đồng và lãi quá hạn 4.997.060 đồng).

Tại phiên tòa, Đại diện của Ngân hàng TMCP Kiên L là ông Trần Kiến L1 yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2022 là 26.574.320 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín

dụng kiêm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 ngày 11/11/2020 mà hai bên đã ký kết, thời điểm tính lãi tiếp từ ngày 26/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ L2 trình bày:* Bà Nguyễn Thị Lệ L2 thừa nhận có thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng TMCP Kiên L là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe như ngân hàng nêu trên vào ngày 11/11/2020 để vay của ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mua bán nhỏ, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 24%/năm, hình thức trả gốc và lãi là 359.621 đồng/01 ngày, ngày cuối trả là 362.021 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà và ông L đủ số tiền vay. Kể từ khi vay bà và ông L đã trả cho ngân hàng được 40.000.000 đồng, tính đến ngày 25/5/2022 ông L, bà Lệ L2 còn Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền 26.574.320 đồng (trong đó, gốc 19.999.320 đồng, lãi trong hạn 1.578.060 đồng và lãi quá hạn 4.997.060 đồng).

Nay phía Ngân hàng TMCP Kiên L yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2022 là 26.574.320 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng thì bà Lệ L2 cũng đồng ý trả. Thời hạn trả là 20 ngày kể từ ngày 26/9/2022.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn L:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông L, ông L nhận đầy đủ. Tuy nhiên ông L không có bản tự khai hay văn bản nào để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn trong hồ sơ vụ án.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 25/5/2022 là 26.574.320 đồng (trong đó, gốc 19.999.320 đồng, lãi trong hạn 1.578.060 đồng và lãi quá hạn 4.997.060 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 ngày 11/11/2020 mà hai bên đã ký kết, thời điểm tính lãi tiếp từ ngày 26/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L thì Ngân hàng phải trả lại cho ông L, bà Lệ L2 bản chính 02 giấy chứng nhận đăng ký xe gồm: 01 Xe Honda Biển số: 68D1-409.24, số máy: JF63E1228154, số khung: 6300FZ516896, màu sơn: Xám Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 16/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn L; 01 Xe Honda Biển số: 68D1-540.40, số máy: JF63E2388553, số khung: 6314JZ005256, màu sơn: Trắng Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 25/01/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ L2. Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP Kiên L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất cho phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Đồng thời bị đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Kiên L yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ nên được xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và hợp đồng vay tài sản được thực hiện tại huyện Hòn Đất nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào ngày 11/11/2020 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 với Ngân hàng TMCP Kiên L để vay số tiền là 60.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mua bán nhỏ, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 24%/năm, hình thức trả gốc và lãi là 359.621 đồng/01 ngày, ngày cuối trả 362.021 đồng. Khi vay ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 có thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng TMCP Kiên L là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe gồm: 01 Xe Honda Biển số: 68D1-409.24, số máy: JF63E1228154, số khung: 6300FZ516896, màu sơn: Xám Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 16/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn L; 01 Xe Honda Biển số: 68D1- 540.40, số máy: JF63E2388553, số khung: 6314JZ005256, màu sơn: Trắng Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 25/01/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ L2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông L, bà Lệ L2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 25/5/2022 ông L, bà Lệ L2 còn nợ lại Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền là 26.574.320 đồng (trong đó, gốc 19.999.320 đồng, lãi trong hạn 1.578.060 đồng và lãi quá hạn 4.997.060 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Lệ L2 đều thể hiện vào ngày 11/11/2020 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 có

vay của Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền là 60.000.000 đồng, quá trình vay ông L, bà L2 trả nợ được cho ngân hàng được nhiều lần với số tiền là 40.000.000 đồng, tính đến ngày 25/5/2022 ông L, bà Lê L2 còn Ngân hàng TMCP Kiên L tổng số tiền 26.574.320 đồng thì ngưng trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông L và bà Lê L2 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L số tiền là 26.574.320 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 11/11/2020 mà hai bên đã ký kết, thời điểm tính lãi tiếp từ ngày 26/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe gồm: 01 Xe Honda Biển số: 68D1-409.24, số máy: JF63E1228154, số khung: 6300FZ516896, màu sơn: Xám Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 16/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn L; 01 Xe Honda Biển số: 68D1- 540.40, số máy: JF63E2388553, số khung: 6314JZ005256, màu sơn: Trắng Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 25/01/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Lê L2. Sau khi ông L, bà Lê L2 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L thì ngân hàng phải trả lại cho ông L, bà Lê L2 bản chính 02 giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên.

Trường hợp ông L, bà Lê L2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP Kiên L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lê L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Kiên L không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên L.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/5/2022 là 26.574.320 đồng (trong đó, tiền gốc là 19.999.320 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.578.060 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.997.060 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số: A1146959 ngày 11/11/2020 mà hai bên đã ký kết, thời điểm tính lãi tiếp từ ngày 26/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

1.2. Sau khi ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L thì Ngân hàng phải trả lại cho ông L, bà Lệ L2 bản chính 02 giấy chứng nhận đăng ký xe gồm: 01 Xe Honda Biển số: 68D1-409.24, số máy: JF63E1228154, số khung: 6300FZ516896, màu sơn: Xám Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 16/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn L; 01 Xe Honda Biển số: 68D1-540.40, số máy: JF63E2388553, số khung: 6314JZ005256, màu sơn: Trắng Đen do Công an huyện Hòn Đất cấp ngày 25/01/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ L2.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP Kiên L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất cho phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DSST : Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lệ L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.328.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 664.000 đồng theo lai thu số 0008051 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A